

Số: /STP-BTTP&HCTP

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

V/v một số nội dung mới của VBQPPL về  
quốc tịch

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Công an thành phố, Tòa án nhân dân thành phố,  
Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND xã, phường, đặc khu.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư pháp tại Văn bản số 4159/BTP-HCBT ngày 11/7/2025, UBND thành phố tại Văn bản số 6409/VP-NC ngày 21/7/2025 về việc quán triệt một số nội dung mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 79/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật số 79/2025/QH15) và Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 191/2025/NĐ-CP).

Sở Tư pháp thông tin về một số điểm mới quan trọng của Luật Quốc tịch năm 2025 và Nghị định số 191/2025/NĐ-CP như sau:

### **1. Việc nhập quốc tịch Việt Nam**

Điều 19 Luật số 79/2025/QH15 quy định về điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam như sau:

- Công dân nước ngoài và người không quốc tịch có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;

b) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

c) Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

d) Đang thường trú ở Việt Nam;

đ) Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

e) Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện tại các điểm c, d và e.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp sau đây thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ và e:

a) Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam;

b) Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

c) Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) Người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc con đẻ hoặc cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

a) Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;

b) Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo đó, Nghị định số 191/2025/NĐ-CP quy định người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

b) Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

## **2. Việc trở lại quốc tịch Việt Nam**

Điều 23 Luật số 79/2025/QH15 quy định về điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam như sau:

- Bộ quy định về các trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam tại khoản 1 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam. Theo đó, tất cả các trường hợp đã mất quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng 02 điều kiện (Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó; Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và được Chủ tịch nước cho phép.

Theo đó, Nghị định số 191/2025/NĐ-CP quy định người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

a) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

b) Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài.

Bên cạnh đó, Luật số 79/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm tính khả thi khi nói lỏng điều kiện nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam như: quy định nhằm bảo đảm sự thống nhất về việc áp dụng pháp luật đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài (*khoản 4 Điều 5*); quy định về mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân trong một số trường hợp (*khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*); quy định bảo đảm quyền chủ quyền quốc gia tuyệt đối đối với vấn đề quốc tịch (*khoản 8 Điều 5 và Điều 14 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*); thu hồi Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam (*Điều 33, 34, Điều 40 và Điều 10, Điều 25 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*), việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ quốc tịch (*khoản 7 Điều 39 và Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP*).

### **3. Việc quốc tịch của trẻ em và thay đổi quốc tịch của con chưa thành niên**

- Khoản 2 Điều 16 Luật số 79/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, cụ thể: *“2. Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo hướng dẫn của Chính phủ. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.”*

Điều 9 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP quy định việc xác định quốc tịch Việt Nam của trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài như sau:

- Trẻ em có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh.

- Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam. Cha hoặc mẹ lập văn bản cam đoan về việc không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này.

- Trường hợp trẻ em đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, có quốc tịch nước ngoài thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh và việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch. Cha mẹ trẻ phải có bản cam đoan về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này. Khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trường hợp trẻ em

có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, thì tên của trẻ có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

- Điều 35 Luật số 79/2025/QH15 quy định quyền được lựa chọn quốc tịch đối với con chưa thành niên khi cha mẹ thôi quốc tịch Việt Nam, cụ thể: *“1a. Khi có sự thay đổi về quốc tịch do thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ, nếu cha mẹ không có yêu cầu khác.”*.

#### **4. Về hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ quốc tịch**

##### **a) Về thành phần hồ sơ**

Luật số 79/2025/QH15 bỏ quy định về Phiếu Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp trong thành phần hồ sơ xin nhập/xin trở lại/xin thôi quốc tịch Việt Nam. Theo đó, người yêu cầu không cần nộp Phiếu Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp trong hồ sơ xin nhập/xin trở lại/xin thôi quốc tịch Việt Nam.

Đối với thời gian cư trú ở nước ngoài, người xin nhập/xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải nộp Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

##### **b) Về thời hạn**

Luật số 79/2025/QH15 đã bổ sung trách nhiệm xác minh của Bộ Công an trong trình tự giải quyết hồ sơ quốc tịch (Điều 21, Điều 25, Điều 29); sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 21 theo hướng giảm thời hạn giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam (05 ngày) tại Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể:

*“2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.*

*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.*

*Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

*Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.”*

#### **5. Về điều khoản chuyển tiếp**

Điều 2 Luật số 79/2025/QH15 quy định “*Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, xin trở lại quốc tịch Việt Nam, xin thôi quốc tịch Việt Nam tiếp nhận trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì được giải quyết theo quy định của Luật này.*”.

Sở Tư pháp đề nghị và rất mong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố quan tâm, phối hợp trong tuyên truyền và tổ chức thực hiện những quy định mới về quốc tịch.

(Toàn văn Luật số 79/2025/QH15 được đăng tải trên Cổng thông tin của Chính phủ: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214593&classid=1&orggroupid=1> , Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBPL: <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=179406&Keyword=191/2025/N%C4%90-CP>).

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- Bộ Tư pháp; | (để báo cáo)
- UBNDTP;
- Lưu: VT, PBTTP&HCTP, PLTT(A3B2).

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Giáp**